



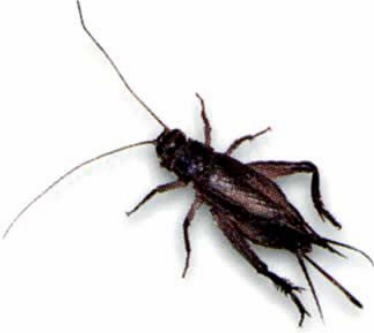



Họ và Tên: _____

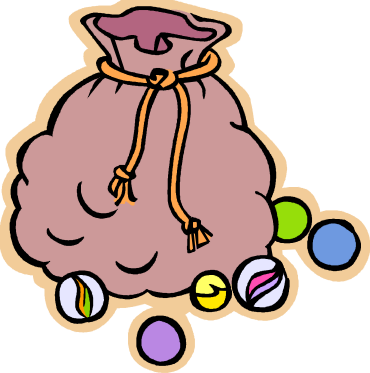
Ngày _____ tháng _____ năm _____

Bài Tập Tại Lớp #3

Bài 2 – Nguyên Âm (sách Tiếng Nước Tôi)

<h1>e ê</h1>		
		
<p>xe [x-e] (xờ-e-xe)</p>	<p>mẹ [m-ê] (mờ-e-me-nặng-mẹ)</p>	<p>bé [b-é] (bờ-e-be-sắc-bé)</p>
		
<p>dê [d-ê] (dờ-ê-dê)</p>	<p>đế [d-ê] (dờ-ê-dê-sắc-đế)</p>	<p>kệ [k-ê] (cờ-ê-kê-nặng-kệ)</p>

i



bi

[b-i]

(bờ-i-bi)

bí

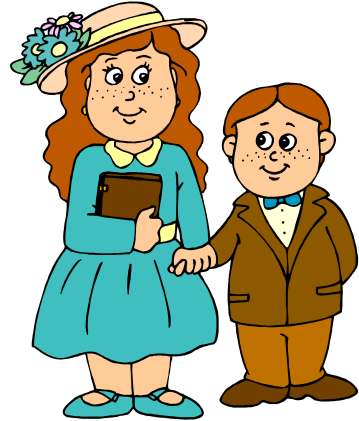
[b-í]

(bờ-i-bi-sắc-bí)

đi

[đ-i]

(đờ-i-đi)



mì

[m-ì]

(mờ-i-mi-huyền-mì)

khỉ

[kh-ỉ]

(khờ-i-khi-hỏi-khỉ)

chị

[ch-ị]

(chờ-i-chi-nặng-chị)

Tập Đọc và tập viết các câu sau đây

- 1- Ba có xe màu đỏ
Dad has a red car
- 2- Me bế em bé
Mom holds a baby
- 3- Con dê ăn cỏ
Goat eats grass
- 4- Em thích chơi đá đế
I like to play cricket fighting.
- 5- Em để sách trên kệ
I put books onto the shelf
- 6- Em thích chơi bi
I like to play with marbles.
- 7- Em không thích ăn bí
I don't like to eat pumpkin
- 8- Em thích ăn mì bà nội nấu
I like to eat noodle that grandma cooks
- 9- Ba, mẹ và con đi bộ
My mom, my dad and I are going for a walk
- 10- Em thấy con khỉ trong sở thú
I saw a monkey at the zoo
- 11- Chị em thích đọc sách
My sister likes to read books.